TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2019
V/v"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bồ Quốc Khánh;
2. Ông Đỗ Ngọc Lợi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trường -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Chu Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Tr, sinh năm 1987. Địa chỉ: khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh D; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện B, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Tr có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt, trình bày:

Bà Đỗ Thị Tr và ông Huỳnh Thanh T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B, tỉnh D vào ngày 29/11/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017-2018, vợ chồng thường xuyên có lời qua, tiếng lại do ông T hay uống rượu, không lo làm ăn để chăm lo cho kinh tế của gia đình, sau khi uống rượu về ông Tú còn gây gổ và nhiều lần có lời lẽ xúc phạm bà Tr, từ mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến năm 2018 bà Tr làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; được Tòa án động viên bà Tr và ông T hứa

sữa chữa khuyết điểm về sống chung nhưng đến năm 2019, lại tiếp tục mâu thuẫn như trên, bà Trinh bỏ về với cha mẹ ruột tại phường H, T sinh sống. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không chịu thay đổi, không thăm nom hay phụ giúp bà Tr chăm sóc con chung.

Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống theo bà Tr khai do mất niềm tin với nhau, bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

Khi ly hôn, bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 01/8/2011; bà Tr yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến để lấy lời khai và tiến hành hòa giải nhưng ông T tự ý bỏ về nên Tòa án lập biên bản hòa giải không được. Tòa án tiến hành thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Tú nhưng ông không đến nên không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T không đến Tòa án để làm việc. Tại biên bản xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ngày 01/7/2019, Công an xã, huyện B cho biết: Ông Huỳnh Thanh T có đăng ký thường trú tại tổ 1 ấp C, xã H, huyện B, tỉnh D ông T còn sinh sống tại địa chỉ trên nhưng thường xuyên vắng mặt không đến theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã tiếp tục thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn và có thông báo cho ông Tú biết việc bà Đỗ Thị Trinh nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông T có ý kiến nếu ly hôn thì phải giao con chung cho ông T nuôi, Tòa án tiếp tục niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án, trụ sở UBND xã H và nơi cư trú của bị đơn nhưng đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bị đơn ông Huỳnh Thanh T không có văn bản chấp nhận hay phản đối đối với việc khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án và không thông báo lý do vắng mặt.

Qua xác minh trình trạng hôn nhân của bà Tr và ông T được chính quyền địa phương xác định ông T không phụ giúp vợ chăm lo việc gia đình và có nhiều xích mích, lời qua tiếng lại khi sống chung với bà Tr. Bà Tr khai từ ngày bà Tr đưa con về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, ông T không đến thăm con và không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Hùynh Thanh T đã được Tòa án lấy lời khai và tống đạt các Thông báo tố tụng hợp lệ thông qua hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú, UBND xã H và trụ sở Tòa án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ

án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Căn cứ Điều 227 Bp65 luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn bà Đỗ Thị Tr và buộc ông Huỳnh Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Huỳnh Thanh T hiện đang cư trú tại tổ 1 ấp C, xã H, huyện B nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Huỳnh Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, Tòa án không thể tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn, Tòa án tổ chức lấy lời khai và hòa giải nhưng ông T cũng không đến làm việc. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã lập biên bản về việc không tống đạt được văn bản tố tụng cho bị đơn và tiến hành thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đồng ý hay phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của nguyên đơn, cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Bà Đỗ Thị Tr có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà Đỗ Thị Trinh.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Tr với ông Huỳnh Thanh T sống chung có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và một hoặc cả hai người đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà Tr khai, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian chung sống nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, vợ chồng lời qua tiếng lại nhiều lần, ông T không lo cho kinh tế của gia đình, một mình bà Tr phải đi làm để nuôi con, ông T sau khi uống rượu về còn có lời lẽ xúc phạm bà Tr, do mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng nên năm 2018, bà Tr làm đơn xin ly hôn, Tòa án đã động viên hai bên và bà Tr đã rút đơn khởi kiện, đến tháng 02 năm 2019 lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên bà Tr đã bỏ về với cha mẹ ruột sống. Bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T để được tự do làm ăn, sinh sống, nuôi con.

[6] Ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện hoặc yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xét thấy bị đơn không có thiện chí mong muốn hòa giải để trở về đoàn

tụ gia đình. Qua xác minh tại địa phương thì ông T đang có mặt tại nơi cư trú và đã được Tòa án thông báo về việc bà Tr nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng ông T vẫn không đến, Tòa án tiếp tục niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án để tham gia hòa giải là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Qua thẩm tra các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều không mong muốn trở về đoàn tụ để tiếp tục sống chung nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Tr về việc ly hôn với ông Huỳnh Thanh T, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về con chung: Xét thấy, cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 01/8/2011, tại thời điểm xét xử sơ thẩm trên 07 tuổi và hiện đang sống cùng bà Tr. Căn cứ nguyện vọng của cháu xin được sống với bà Tr; theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án quyết định giao cháu Huỳnh Gia B cho bà Tr được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật.

[9] Về người cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr có yêu cầu yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng với số tiền là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, xét thấy việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha mẹ, phù hợp với đạo đức và pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; về mức cấp dưỡng; hiện ông T không có việc làm ổn định, bà Tr cũng không cung cấp được mức thu nhập bình quân của ông T nên HĐXX căn cứ mức thu nhập bình quân ở địa phương đối với lao động phổ thông, buộc ông Tú có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Huỳnh Gia B 18 tuổi là có căn cứ.

[10] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[11] Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Tr phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, Điều 71; khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đỗ Thị Tr đối với ông Huỳnh Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Tr được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21/2010, quyển số 01 do UBND xã H, huyện T (Nay là B), tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/11/2010 cho Bà Đỗ Thị Tr và ông Huỳnh Thanh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Đỗ Thị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Huỳnh Gia B, sinh ngày 01/8/2011. Ông Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) thực hiện từ khi án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Huỳnh Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Đỗ Thị Tr có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T. Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030603 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã H, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng